

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 181/2020/HS-ST

Ngày: 27- 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Ông Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 128/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2020/HSST – QĐ đối với:

Bị cáo: TH sinh năm 1994 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: phường TR, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Th, sinh năm 1973 và bà H, sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bắt ngày 03/12/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh KH, sinh năm 1986 - có mặt.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh CH, sinh năm 1984 – vắng mặt.

Địa chỉ: phường TR, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tiến TH và anh KH, sinh năm: 1986, trú tại: phường T, thành phố B là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng 19 giờ ngày 22/11/2014, TH điện thoại rủ anh KH cùng anh TH2, sinh năm: 1970, trú tại: phường T, thành phố B, đến

quán nhậu không tên tại phường TR để nhậu. Trong lúc ngồi nhậu, TH hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số: 60F1-018.82 của anh KH để mang đi cầm lấy tiền làm ăn và hẹn 01 tháng sau sẽ chuộc lại xe trả cho anh KH thì anh KH đồng ý giao xe và giấy tờ cho TH mượn đi cầm. Có được xe mô tô trên, TH mang xe đến cầm cho anh CH, sinh năm: 1984, phường TR, thành phố B được 130.000.000 đồng. Đến hẹn trả xe cho anh KH nhưng do không có tiền chuộc xe và đóng lãi cho anh CH nên TH đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý định trên, ngày 28/01/2015, TH đã viết giấy bán xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số: 60F1-018.82 cho anh CH với số tiền là 132.000.000 đồng nhưng không cho anh KH biết. Sau khi bán xe xong thì TH đã bỏ trốn. Còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số: 60F1-018.82 anh CH đã bán lại cho anh D, sinh năm: 1974, trú tại: phường T, thành phố B với số tiền 137.500.000 đồng. Sau đó, anh D bán xe lại cho anh A, sinh năm: 1980, trú tại 26/1, khu phố 5, phường H, thành phố B với số tiền 154.500.000 đồng.

Do không thấy TH trả xe, ngày 13/10/2015 anh KH làm đơn tố cáo TH đến Cơ quan Công an về hành vi chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số: 60F1-018.82. Qua điều tra, ngày 24/12/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khởi tố vụ án và ngày 01/03/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Tiến TH. Tuy nhiên, TH đã bỏ trốn đến ngày 03/12/2019, TH đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ:

01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 60F1-018.82, đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu anh KH.

01 (Một) giấy bán xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số: 60F1-018.82 giữa Nguyễn Tiến TH và anh CH. (Lưu trong hồ sơ vụ án)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2633/TCKH-HĐĐG ngày 31/12/2015, của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 60F1-018.82 có giá trị tài sản định giá là: 105.000.000 đồng”

Tại Cáo trạng số 122/CT-VKSBH ngày 25/02/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Nguyễn Tiến TH về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo điểm d khoản 2, Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về bồi thường dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường 132.000.000 đồng, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh CH vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc vắng mặt của các anh CH không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh CH theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai bị hại cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 28/01/2015, Nguyễn Tiến TH đã có hành vi mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 60F1-018.82 trị giá là 105.000.000 đồng của anh KH hẹn 01 tháng sẽ trả lại nhưng sau đó không trả lại cho anh KH và bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 13/10/2015 anh KH làm đơn tố cáo TH đến Cơ quan Công an. Qua điều tra, ngày 24/12/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khởi tố vụ án và ngày 01/03/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với TH đến ngày 03/12/2019, TH đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 105.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và hoàn toàn đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là quyền được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, nhưng không sử dụng sức lao động để tạo ra của cải nuôi sống bản thân một cách chân chính, mà lại thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân. Do vậy, cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo phạm tội lần đầu. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh CH yêu cầu bị cáo bồi thường 132.000.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu đồng) là phù hợp quy định pháp luật nên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên.

Anh D yêu cầu anh CH bồi thường số tiền 137.500.000 đồng đã được giải quyết tại bản án số 172/2017/DSST ngày 28/9/2017.

Anh A đã được anh D bồi thường nên không yêu cầu gì.

[4] Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

Quan điểm Kiểm sát viên, bị hại tại phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến TH phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng d khoản 2 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến TH 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2019.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng các điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh CH số tiền 132.000.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu đồng).

2. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên

